

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 – TPHCM
4. Điện thoại: 08.39540600 – 08.39540601 Fax: 08.39540598
5. Người được UQ CBTT: Phan Thị Nam Phương
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính hợp nhất công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh năm 2017 của Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM được lập ngày 12/03/2018 bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.

7. Nội dung giải trình:

7.1 Nội dung điều chỉnh trước và sau kiểm toán như sau:

- Điều chỉnh Công ty mẹ:

- Tăng chi phí trích dự phòng khó đòi: 16.361.178
- Tăng chi phí trích dự phòng dài hạn: 29.634.546

- Điều chỉnh các công ty con:

- Cty CP Sách TBTH Vĩnh Long không có điều chỉnh
- Cty Sách TBTH Đồng Nai có một số bút toán điều chỉnh như sau:

+ Giảm chi phí Thuế TNDN phải nộp do tính lại chi phí Thuế TNDN kinh doanh sách từ 20% xuống 10% dẫn đến LNST của Cty CP Sách TBTH Đồng Nai tăng 145,7 triệu.

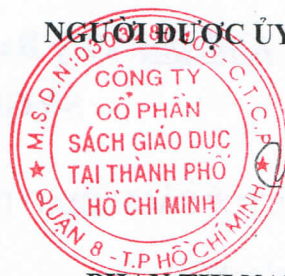
Dẫn đến lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng 102% so với báo cáo trước kiểm toán.


Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.



NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT 


PHAN THỊ NAM PHƯƠNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 36

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2017 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028.39540600
- Fax: (84) 028.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối năm tài chính là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|----------|--|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 01/04/2017 |
| • Bà Trần Thị Mỹ | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2016
Miễn nhiệm ngày 01/04/2017 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2016 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 200/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09/03/2018, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

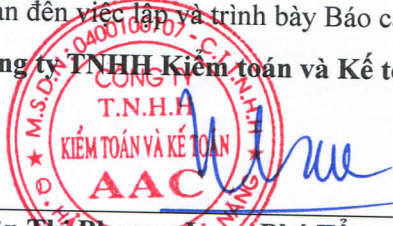
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC


Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2018


Đỗ Thị Thanh Vân - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.926.793.456	63.057.351.390
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	24.154.060.855	25.589.197.657
1. Tiền	111		7.398.060.855	5.179.197.657
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.756.000.000	20.410.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.537.821.875	2.200.628.186
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	9.112.705.975	2.319.528.206
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(74.884.100)	(118.900.020)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.986.001.652	17.066.321.433
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	20.563.343.932	15.091.304.713
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	3.549.696.605	3.505.640.139
3. Các khoản phải thu khác	136	10	977.559.457	708.355.792
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(2.104.598.342)	(2.238.979.211)
IV. Hàng tồn kho	140	12	20.110.340.206	17.822.254.192
1. Hàng tồn kho	141		22.813.368.787	20.573.923.801
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.703.028.581)	(2.751.669.609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		138.568.868	378.949.922
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	30.914.496	62.043.631
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	107.654.372	316.906.291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			24.413.277.494	29.845.468.955
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.242.724.253	13.985.814.068
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	6.774.567.381	7.499.319.704
- Nguyên giá	222		14.274.690.414	14.274.690.414
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.500.123.033)	(6.775.370.710)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	6.468.156.872	6.486.494.364
- Nguyên giá	228		6.545.856.872	6.545.856.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(77.700.000)	(59.362.508)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	10.206.043.398
- Nguyên giá	231		-	10.438.812.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(232.769.407)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.583.355.900	500.384.111
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	6.583.355.900	500.384.111
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.970.365.454	2.840.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	2.000.000.000	2.840.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.634.546)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.616.831.887	2.313.227.378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	1.543.269.736	1.107.791.866
2. Lợi thế thương mại	269		1.073.562.151	1.205.435.512
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		101.340.070.950	92.902.820.345

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. Nợ phải trả	300		31.794.210.836	24.889.931.550
I. Nợ ngắn hạn	310		31.421.710.836	24.427.431.550
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	19.143.308.726	15.157.735.410
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	4.413.597.977	1.422.439.893
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	14	288.038.564	43.313.308
4. Phải trả người lao động	314		3.971.786.718	2.873.481.856
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	3.299.810.517	4.643.903.729
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	432.750.096	474.486.026
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	112.500.000	90.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(240.081.762)	(277.928.672)
II Nợ dài hạn	330		372.500.000	462.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	260.000.000	260.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	112.500.000	202.500.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.545.860.114	68.012.888.795
I. Vốn chủ sở hữu	410		69.545.860.114	68.012.888.795
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	2.228.569.586	2.228.186.395
3. Cổ phiếu quỹ	415	23	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	5.124.109.429	5.088.022.015
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	9.344.823.773	8.249.419.972
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.591.095.494	4.175.366.656
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.753.728.279	4.074.053.316
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		12.158.231.230	11.757.134.317
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		101.340.070.950	92.902.820.345



Tổng Giám đốc
Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	24	186.441.249.785	147.971.607.803
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	2.910.256.321	2.318.742.954
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		183.530.993.464	145.652.864.849
4. Giá vốn hàng bán	11	26	156.015.054.442	122.656.872.080
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		27.515.939.022	22.995.992.769
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.243.166.224	1.395.546.483
7. Chi phí tài chính	22	28	479.006.444	(65.111.778)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		45.018.818	25.822.922
9. Chi phí bán hàng	25	29.a	11.570.504.831	9.021.120.406
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	10.721.393.257	9.897.143.347
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.988.200.714	5.538.387.277
12. Thu nhập khác	31	30	137.746.379	10.820.400
13. Chi phí khác	32	31	156.063.117	62.972.810
14. Lợi nhuận khác	40		(18.316.738)	(52.152.410)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.969.883.976	5.486.234.867
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	1.253.485.747	1.126.559.102
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.716.398.229	4.359.675.765
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		4.783.967.014	4.121.436.744
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		932.431.215	238.239.021
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.178	1.011
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	1.178	1.011



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.969.883.976	5.486.234.867
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	874.963.176	591.319.792
- Các khoản dự phòng	03	(197.403.271)	1.326.823.856
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.316.042.749)	(1.200.519.835)
- Chi phí lãi vay	06	45.018.818	25.822.922
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	6.376.419.950	6.229.681.602
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.611.936.290)	6.966.903.424
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.239.444.986)	2.009.624.389
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.647.320.097	2.622.891.329
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(191.810.724)	(789.240.237)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(6.793.177.769)	(172.461.826)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(45.018.818)	(25.822.922)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(923.496.887)	(1.393.546.641)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(134.930.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.781.145.427)	15.313.098.898
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(6.295.509.800)	(199.554.952)
2. Tiền thu từ TLy, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	10.092.018.618	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(150.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.591.768.884)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	462.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.800.579.807	1.162.892.631
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.909.088.625	(2.628.431.205)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	1.870.846.404
2. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(162.000.000)	(310.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	12.600.000.000	9.502.500.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(13.017.500.000)	(9.525.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.983.580.000)	(4.311.410.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.563.080.000)	(2.773.063.596)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.435.136.802)	9.911.604.097
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.589.197.657	15.677.593.560
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	24.154.060.855	25.589.197.657



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Tuấn Kiệt

Nguyễn Thị Lan Phương

Bùi Tuyết Mai

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có 2 công ty con:

- Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long
Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất linh kiện điện tử, bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm.
Tỷ lệ sở hữu: 53,27%
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai
Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 52,24%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	4

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	3

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong niên độ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản vay, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại bổ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%. Đối với lĩnh vực xuất bản: áp dụng thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	659.127.568	737.357.970
Tiền gửi ngân hàng	6.738.933.287	4.441.839.687
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	16.756.000.000	20.410.000.000
Cộng	24.154.060.855	25.589.197.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	9.112.705.975	9.461.783.000	(74.884.100)	2.319.528.206	2.228.290.000	(118.900.020)
+ Công ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	3.201.944.701	3.383.601.000	-	1.805.534.680	1.694.200.000	(111.334.680)
+ Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3.350.620.280	3.535.720.000	-	-	-	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	303.458.970	271.440.000	(32.018.970)	289.420.020	306.600.000	-
+ Công ty CP Sóng Đà 4 (SD4)	36.365.340	34.800.000	(1.565.340)	36.365.340	28.800.000	(7.565.340)
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	1.033.680.000	-	188.208.166	198.690.000	-
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	1.108.541.790	1.067.242.000	(41.299.790)	-	-	-
+ Công ty CP ĐTPT nhà HUD2 (HD2)	118.913.660	135.300.000	-	-	-	-
Cộng	9.112.705.975	9.461.783.000	(74.884.100)	2.319.528.206	2.228.290.000	(118.900.020)

Biến động trong năm

	Tăng trong năm		Giảm trong năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu		7.409.551.185		616.373.416
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	1.500	20.286.450	-	6.247.500
+ Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	238.900	3.350.620.280	-	-
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	69.700	892.359.318	-	87.706.250
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	138.010	1.396.410.021		
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	231.950	1.630.961.456	79.050	522.419.666
+ Công ty CP ĐTPT nhà HUD2 (HD2)	11.000	118.913.660		
Cộng		7.409.551.185		616.373.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động					31/12/2017		01/01/2017		
		Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác					2.000.000.000	29.634.546			2.840.000.000	-
- Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Đang hoạt động				-	-	5,30%	5,30%	840.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động	1,84%	1,84%	200.000	2.000.000.000	29.634.546	1,84%	1,84%	2.000.000.000	-
Cộng					2.000.000.000	29.634.546			2.840.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	-

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Đắc Lắc	-	802.887.460
Công ty TNHH SX-TM Thiết bị Vạn Lợi	1.215.000.000	1.280.000.000
Công ty TNHH MTV Sách và TB Trường học Đắc Nông	1.472.591.754	1.113.142.622
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	401.672.182	1.335.785.442
Các đối tượng khác	17.474.079.996	10.559.489.189
Cộng	20.563.343.932	15.091.304.713

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2017	01/01/2017
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	-	7.553.100
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	-	304.108.115
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	216.198.200	77.672.000
Công ty CP Học liệu (EMCO)	18.299.261	79.229.976
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	212.377.673	27.717.013
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	401.672.182	1.335.785.442
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	213.835.082	92.775.905
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	221.679.013	188.520.520
Công ty CP Sách và Thiết bị Bến Tre	-	11.722.320
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Trà Vinh	-	10.507.500
Cộng	1.284.061.411	2.128.038.791

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH In và Thương mại Vĩnh Thành	2.930.272.297	3.357.678.381
Công ty CP ĐT và PT trường phổ thông CN Giáo dục	97.569.680	-
Các đối tượng khác	521.854.628	147.961.758
Cộng	3.549.696.605	3.505.640.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	75.484.370	-	67.996.648	-
Tạm ứng	601.716.207	-	355.009.056	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	269.439.440	-	254.430.648	-
Phải thu khác	30.919.440	29.000.000	30.919.440	-
Cộng	977.559.457	29.000.000	708.355.792	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	1.254.098.342	1.772.141.479
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	66.556.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	850.500.000	-
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	400.281.732
Cộng	2.104.598.342	2.238.979.211

12. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	14.911.580	-	25.143.769	-
Nguyên liệu, vật liệu	35.100.256	-	453.719.267	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.405.845.437	-	1.877.405.187	-
Thành phẩm	9.337.552.640	2.554.516.194	7.130.518.197	2.472.790.553
Hàng hóa	12.019.958.874	148.512.387	11.087.137.381	278.879.056
Cộng	22.813.368.787	2.703.028.581	20.573.923.801	2.751.669.609

Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2017 là 4.461.040.352 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.590.000	31.779.091
Chi phí sửa chữa cửa hàng	7.416.000	-
Chi phí bảo hiểm	18.908.496	30.264.540
Cộng	30.914.496	62.043.631

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	39.736.085	44.998.142
Trợ cấp thôi việc	37.353.000	67.353.000
Chi phí tổ chức bán thảo	1.219.586.862	995.440.724
Chi phí thi công sửa chữa	246.593.789	-
Cộng	1.543.269.736	1.107.791.866

14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	109.746.630	-	655.623.894	573.285.007	107.515.412	80.107.669
Thuế TNDN	165.108.482	-	1.253.485.747	923.496.887	-	164.880.378
Thuế TNCN	-	1.262.129	397.565.673	356.149.160	-	43.050.517
Tiền thuê nhà, thuê đất	-	-	163.820.074	163.820.074	-	-
Các loại thuế khác	-	-	18.499.686	18.638.646	138.960	-
Cộng	274.855.112	1.262.129	2.488.995.074	2.035.389.774	107.654.372	288.038.564

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.873.291.886	90.782.720	3.033.101.520	119.809.800	157.704.488	14.274.690.414
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	10.873.291.886	90.782.720	3.033.101.520	119.809.800	157.704.488	14.274.690.414
Khấu hao						
Số đầu năm	4.422.640.281	34.636.134	2.162.138.519	106.673.125	49.282.651	6.775.370.710
Khấu hao trong năm	441.911.307	23.332.777	206.945.442	13.136.675	39.426.122	724.752.323
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	4.864.551.588	57.968.911	2.369.083.961	119.809.800	88.708.773	7.500.123.033
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.450.651.605	56.146.586	870.963.001	13.136.675	108.421.837	7.499.319.704
Số cuối năm	6.008.740.298	32.813.809	664.017.559	-	68.995.715	6.774.567.381

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 3.317.253.251 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm nợ vay tại ngày 31/12/2017 là 663.067.002 đồng.

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Khấu hao			
Số đầu năm	-	59.362.508	59.362.508
Khấu hao trong năm	-	18.337.492	18.337.492
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	77.700.000	77.700.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.468.156.872	18.337.492	6.486.494.364
Số cuối năm	6.468.156.872	-	6.468.156.872

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m².

(*) Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 77.700.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	6.295.509.800	-
Dự án siêu thị sách (**)	287.846.100	287.846.100
Cửa hàng sách	-	212.538.011
Cộng	6.583.355.900	500.384.111

(*) Thuê đất của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thuê đất số 02 ngày 15/01/2018. Thời gian thuê 50 năm kể từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2067, diện tích đất được cho thuê là 611,2 m² thuộc thửa 372, tờ bản đồ 16 tại phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Theo đó công ty đã thanh toán tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê là 50 năm với số tiền 6.264.188.800 đồng. Mục đích sử dụng đất thuê: thương mại, dịch vụ (TMD).

(**) Đây là các chi phí khảo sát, thiết kế, lập dự án Siêu thị sách. Tuy nhiên, dự án này đang tạm ngưng do chưa giải phóng được mặt bằng.

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.374.728.719	667.514.259
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	7.152.218.236	2.979.319.006
Trương Kim Oanh	867.000.000	841.000.000
Ngô Ngọc Nhị (Lâm Đồng)	694.125.000	694.125.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	334.781.263	451.537.227
Các đối tượng khác	8.720.455.508	9.524.239.918
Cộng	19.143.308.726	15.157.735.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	48.955.680	274.990.486
Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ	-	12.564.400
Công ty CP Sách Dân tộc	238.890.113	274.860.613
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	296.859.900	135.469.390
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	95.233.172	137.926.472
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	334.781.263	451.537.227
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	70.996.147	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	267.596.516	186.091.644
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.477.652.719	667.514.259
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	346.938.444	237.493.284
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	315.502.520	50.991.460
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	551.048.964	298.915.030
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	631.451.144	477.368.671
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	7.255.142.236	2.979.319.006
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	44.400.872	11.301.955
Công Ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	839.820	-
Công ty CP Sách dịch và từ điển Giáo dục	-	41.765.369
Các đối tượng khác	131.531.869	148.924.362
Cộng	12.107.821.379	6.387.033.628

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Long Khánh	1.143.979.000	-
Phòng Giáo dục và Đào tạo Xuân Lộc	825.167.121	-
Phòng Giáo dục và Đào tạo Định Quán	519.693.613	-
Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Thành	447.729.620	-
Các đối tượng khác	1.477.028.623	1.422.439.893
Cộng	4.413.597.977	1.422.439.893

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí bán thảo, biên tập	2.128.952.232	3.155.248.305
Chi phí hoa hồng môi giới	928.246.062	1.263.499.664
Chi phí phải trả về tiền chiết khấu bán hàng	85.829.223	150.050.760
Chi phí thuê mặt bằng	-	8.400.000
Chi phí vận chuyển	91.783.000	-
Tiền ăn giữa ca	-	6.705.000
Chi phí khác	65.000.000	60.000.000
Cộng	3.299.810.517	4.643.903.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	4.021.100	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	526.895	22.740.900
Cổ tức phải trả	2.203.500	2.203.500
Tài sản thừa chờ xử lý	18.135.720	27.729.126
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	78.000.000	78.000.000
Thù lao trả cho HĐQT	34.300.000	-
Phải trả khác	295.562.881	343.812.500
Cộng	432.750.096	474.486.026

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	260.000.000	260.000.000
Cộng	260.000.000	260.000.000

22. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	90.000.000	90.000.000	67.500.000	112.500.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	90.000.000	90.000.000	67.500.000	112.500.000
Cộng	90.000.000	90.000.000	67.500.000	112.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	292.500.000	-	90.000.000	202.500.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	292.500.000	-	90.000.000	202.500.000
Cộng	292.500.000	-	90.000.000	202.500.000
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	90.000.000			90.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	202.500.000			112.500.000

Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng tín dụng số 04/2015-HĐTDHM/NHCT800-CTCP SÁCH THIẾT BỊ VINH LONG ngày 01/04/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ Ngày Giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 450.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Vĩnh Long; Hạng mục: Xây dựng mới nhà làm việc.

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	4.894.634.920	8.478.403.390
Điều chỉnh hợp nhất		748.177	-	7.480.039	12.116.767
Tăng trong năm	-	515.438.218	1.355.408.186	185.907.056	4.121.436.744
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.362.536.929
Số dư tại 31/12/2016	41.370.000.000	2.228.186.395	(679.873.904)	5.088.022.015	8.249.419.972
Số dư tại 01/01/2017	41.370.000.000	2.228.186.395	(679.873.904)	5.088.022.015	8.249.419.972
Điều chỉnh hợp nhất	-	383.191	-	5.529.518	853.840
Tăng trong năm	-	-	-	30.557.896	4.783.967.014
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.689.417.053
Số dư tại 31/12/2017	41.370.000.000	2.228.569.586	(679.873.904)	5.124.109.429	9.344.823.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND	4.043.000	4.043.000

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	8.249.419.972	8.478.403.390
Lợi nhuận sau thuế năm nay	4.783.967.014	4.121.436.744
Điều chỉnh do hợp nhất	853.840	12.116.767
Phân phối lợi nhuận năm trước	3.659.178.318	4.315.153.501
- Trích quỹ đầu tư phát triển	20.478.318	185.712.580
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	86.440.921
- Trả cổ tức cho các cổ đông	3.638.700.000	4.043.000.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	30.238.735	47.383.428
- Trích quỹ đầu tư phát triển	10.079.578	194.476
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	20.159.157	47.188.952
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	9.344.823.773	8.249.419.972

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	102.193.159.758	88.093.541.898
Doanh thu bán hàng hóa	72.757.822.467	57.872.964.585
Doanh thu dịch vụ	1.264.545.457	1.372.363.638
Doanh thu bán Bất động sản đầu tư	10.100.000.000	-
Doanh thu khác	125.722.103	632.737.682
Cộng	186.441.249.785	147.971.607.803

25. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
Hàng bán bị trả lại	193.702.948	322.883.217
Chiết khấu thương mại	2.716.553.373	1.995.859.737
	2.910.256.321	2.318.742.954

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	84.147.010.159	71.401.391.493
Giá vốn của hàng hóa	61.535.015.885	50.387.485.897
Giá vốn hoạt động khác	167.644.646	522.050.608
Giá vốn Bất động sản đầu tư thanh lý	10.214.024.780	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(48.641.028)	345.944.082
Cộng	156.015.054.442	122.656.872.080

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.429.501.279	983.689.835
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	219.966.250	216.830.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	305.254.061	121.806.248
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	129.844.634	73.220.400
Tiền lãi từ hợp tác kinh doanh	158.600.000	-
Cộng	2.243.166.224	1.395.546.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(14.381.374)	(90.934.700)
Chi phí lãi vay	45.018.818	25.822.922
Lỗ bán khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	378.000.000	-
Chiết khấu thanh toán nhanh	70.369.000	-
Cộng	479.006.444	(65.111.778)

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương, các khoản trích theo lương	6.994.387.346	5.289.224.959
Chi phí vận chuyển	1.804.043.300	852.852.170
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	672.123.771	852.929.112
Các khoản khác	2.099.950.414	2.026.114.165
Cộng	11.570.504.831	9.021.120.406

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương	5.210.372.180	4.522.233.948
Khấu hao TSCĐ	124.447.683	102.235.373
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	666.810.002	616.775.080
Các khoản khác	4.719.763.392	4.655.898.946
Cộng	10.721.393.257	9.897.143.347

30. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập từ bán phế liệu, công cụ dụng cụ	-	4.545.455
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	117.705.918	-
Thu nhập khác	20.040.461	6.274.945,00
Cộng	137.746.379	10.820.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí từ cho thuê mặt bằng	101.786.407	-
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	21.215.270	59.647.337
Các khoản khác	33.061.440	3.325.473
Cộng	156.063.117	62.972.810

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.969.883.976	5.486.234.867
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	92.717.636	344.740.441
- Các khoản điều chỉnh tăng	312.683.886	561.570.441
+ Lợi thế thương mại phân bổ	131.873.361	82.823.180
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	-	59.647.337
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	92.500.000	96.000.000
+ Các khoản khác	88.310.525	23.670.000
+ Lỗ tại công ty con	-	299.429.924
- Các khoản điều chỉnh giảm	219.966.250	216.830.000
+ Cổ tức được chia	219.966.250	216.830.000
Tổng thu nhập chịu thuế	7.062.601.612	5.830.975.308
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.253.485.747	1.126.559.102
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.253.485.747	1.126.559.102
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	1.246.444.547	1.079.289.006
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	7.041.200	47.270.096

33. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.783.967.014	4.121.436.744
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(20.159.157)	(47.188.952)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	20.159.157	47.188.952
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	4.763.807.857	4.074.247.792
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.043.000	4.030.920
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	1.178	1.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.996.493.538	11.975.349.358
Chi phí nhân công	11.785.675.450	9.869.478.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	743.089.815	508.496.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.262.533.027	10.203.279.153
Chi phí khác bằng tiền	6.362.987.414	5.208.772.571
Cộng	37.150.779.244	37.765.376.463

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

36. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học và một số Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	19.143.308.726	-	19.143.308.726
Chi phí phải trả	3.299.810.517	-	3.299.810.517
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	112.500.000	112.500.000	225.000.000
Phải trả khác	410.066.381	260.000.000	670.066.381
Cộng	22.965.685.624	372.500.000	23.338.185.624
31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.157.735.410	-	15.157.735.410
Chi phí phải trả	4.643.903.729	-	4.643.903.729
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	90.000.000	202.500.000	292.500.000
Phải trả khác	424.016.000	-	424.016.000
Cộng	20.315.655.139	202.500.000	20.518.155.139

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	24.154.060.855	-	24.154.060.855
Phải thu khách hàng	18.487.745.590	-	18.487.745.590
Đầu tư tài chính	9.537.821.875	1.970.365.454	11.508.187.329
Phải thu khác	346.843.250	-	346.843.250
Cộng	52.526.471.570	1.970.365.454	54.496.837.024
31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	25.589.197.657	-	25.589.197.657
Phải thu khách hàng	12.852.325.502	-	12.852.325.502
Đầu tư tài chính	2.200.628.186	2.840.000.000	5.040.628.186
Phải thu khác	353.346.736	-	353.346.736
Cộng	40.995.498.081	2.840.000.000	43.835.498.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Năm 2017	Năm 2016
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sách Đại Học Dạy nghề	18.795.520	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	8.744.578.943	10.327.399.867
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	275.084.000	215.580.000
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục Hà Nội	-	1.081.600
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	51.696.668	401.193.206
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	463.716.770	-
CN Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	7.573.139	23.240.100
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	30.000.000	48.766.572
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	694.954.020	917.968.025
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	162.831.734	223.060.586
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	19.370.000	192.309.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	2.463.440.890	3.497.613.212
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	-	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.664.350.850	3.073.167.717
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	182.200.900	229.383.880
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	757.025.860	411.722.320
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	452.724.145	697.966.090
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	953.601.397	415.990.515
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	2.663.901.901	4.218.969.684
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	594.421.841	395.549.898
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	463.716.770	677.546.980
Mua hàng		
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	3.566.745.440	3.281.296.080
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	27.964.750	55.997.098
Công ty CP Sách Dân Tộc	964.029.500	1.675.550.960
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	481.146.030	409.857.220
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	749.507.800	377.274.600
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.793.102.036	2.851.980.564
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	27.084.631.422	3.790.766.249
Công ty CP Đầu Tư và Xuất bản Giáo dục	44.712.000	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	58.885.800	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	286.504.872	17.280.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.984.991.202	1.120.202.500
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	627.004.318	1.108.679.725
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	1.474.442.136	379.250.564
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	908.485.160	1.018.975.654
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	-	143.062.500
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	1.327.118.310	758.097.280
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	12.704.776.510	271.745.167
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	26.987.053.230	3.175.831.574
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	3.518.052.210	3.900.536.750
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	24.752.917.490	14.594.000.314
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	39.039.000	23.315.820
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	84.142.500	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch khác

		Năm 2017	Năm 2016
Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	548.641.000	634.830.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	162.600.000	156.100.000

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 19/01/2018, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29/NQHĐQT-SGD. Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2017 (tỷ lệ 10%) vào ngày 12/02/2018, ngày chi trả cổ tức là 19/03/2018.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai